TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 2 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 2
PHIẾU SỐ 3

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất có hai chữ số khác nhau lập từ ba chữ số 0, 9, 1 là:

A. 81 **B.** 73 **C.** 72 **D.** 89

Câu 2. Số 61 viết thành tổng các chục và đơn vị là:

A. 61 = 6 + 1 **B.** 61 = 10 + 6 **C.** 61 = 60 + 1 **D.** 61 = 60 + 2

Câu 3. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 16 + 18 + 29 …… 50 − 13 + 23

A. > **B.** < **C.** =

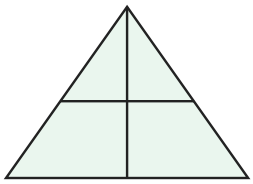
Câu 4. Số bị trừ là 50, số trừ là 35. Hiệu là:

A. 85 **B.** 15 **C.** 25 **D.** 5

Câu 5. Bình bắt đầu đi tham quan lúc 10 giờ sáng và về đến nhà lúc 14 giờ. Chuyến tham quan kéo dài:

A. 14 giờ **B.** 4 giờ **C.** 5 giờ **D.** 4 phút

Câu 6. Hình bên có bao nhiêu hình tứ giác?



A. 2 **B.** 1 **C.** 3 **D.** 4

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Viết tiếp hai số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 40, 46, 52, 58, ……, ……

b) 26, 34, 42, 50, ……, ……

Bài 2. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Số bé nhất có hai chữ số là 10	
b) 6 dm = 60 cm	
c) Một ngày có 12 giờ	
d) Trong phép trừ 45 − 30 = 15, số 45 là số bị trừ	

Bài 3. Tính:

a) 48 + 37 − 19 = ……

b) 54 − 19 + 33 = ……

c) 72 − 31 − 18 = ……

d) 42 kg + 26 kg − 9 kg = …… kg

Bài 4. Quan sát hai đồng hồ rồi viết vào chỗ chấm:

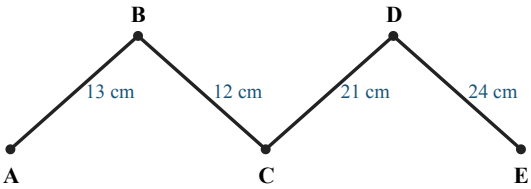




a) Đồng hồ thứ nhất chỉ …… giờ …… phút

b) Đồng hồ thứ hai chỉ …… giờ …… phút

Bài 5. Quan sát hình vẽ rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Độ dài đường gấp khúc ABCDE là: …… cm

b) Đổi ra đề-xi-mét: …… dm

Bài 6. Bao thứ nhất có 46 kg gạo. Người ta lấy từ bao thứ nhất ra 23 kg rồi đổ thêm vào đó 19 kg gạo. Hỏi bao thứ nhất lúc này có bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Sau khi lấy ra, bao còn: …… kg

b) Lúc này bao có: …… kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 2 · Phiếu số 3

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	C	A	B	B	C

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) Thêm 6 mỗi lần: 64, 70

b) Thêm 8 mỗi lần: 58, 66

Bài 2.

a) Đ; b) Đ; c) S; d) Đ

Bài 3.

a) 48 + 37 = 85; 85 − 19 = 66

b) 54 − 19 = 35; 35 + 33 = 68

c) 72 − 31 = 41; 41 − 18 = 23

d) 42 + 26 = 68; 68 − 9 = 59

Bài 4.

a) 12 giờ 30 phút (hay 12 giờ rưỡi)

b) 3 giờ 15 phút

Bài 5.

a) 13 + 12 + 21 + 24 = 70 (cm)

b) 70 cm = 7 dm

Bài 6.

46 − 23 = 23 (kg)

23 + 19 = 42 (kg)